

QUYẾT ĐỊNH

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TÂY NINH

**Phê duyệt Đề án khung các nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen
tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014 – 2020**

Số: 1882
Ngày: 08/11/13

Chuyển: L.Đ. S.Đ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BKHHCN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 51/TTr-KHCN ngày 09 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án khung các nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014 – 2020” (Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã triển khai thực hiện Đề án theo đúng quy định hiện hành, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LĐVP+CVVX;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

H.9cb

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Trần Lưu Quang



ĐỀ ÁN KHUNG

Các nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2243 ngày 01. tháng 11. năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Tên đề án: Bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014 - 2020
2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
3. Cơ quan đề xuất: Sở Khoa học và Công nghệ
4. Cơ quan quản lý nhiệm vụ quỹ gen: Sở Khoa học và Công nghệ

PHẦN I

NHU CẦU BẢO TỒN NGUỒN GEN CỦA ĐỊA PHƯƠNG VÀ TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

1. Tổng quan về tài nguyên sinh vật và vai trò của nguồn gen đối với phát triển kinh tế-xã hội của địa phương:

a) Điều kiện tự nhiên

Tỉnh Tây Ninh nằm trong vùng miền Đông Nam Bộ, phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, phía Bắc và Tây Bắc giáp 2 tỉnh Svay Riêng và Kampong Cham của Campuchia có 02 cửa khẩu quốc tế là Mộc Bài, Xa Mát và 04 cửa khẩu chính và 10 cửa khẩu phụ. Diện tích tự nhiên 4.039,668km², dân số năm 2012 khoảng 1.080.738 người, mật độ dân số là 267,8 người/km², dân cư tập trung nhiều ở thị xã Tây Ninh cùng 3 huyện Hòa Thành, Gò Dầu, Trảng Bàng và thưa dần ở 5 huyện còn lại là Dương Minh Châu, Tân Biên, Tân Châu, Bến Cầu, Châu Thành.

Tây Ninh nổi cao nguyên Nam Trung Bộ với đồng bằng sông Cửu Long, vừa mang đặc điểm của một cao nguyên, vừa có dáng dấp, sắc thái của vùng đồng bằng. Trên địa bàn vùng cao phía Bắc nổi lên núi Bà Đen cao nhất Nam Bộ (986 m). Nhìn chung, địa hình Tây Ninh tương đối bằng phẳng, rất thuận lợi cho phát triển toàn diện nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng.

Khí hậu chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Chế độ nhiệt của Tây Ninh quanh năm cao, tương đối ổn định. Nhiệt độ trung bình năm là 26 – 27⁰C và ít thay đổi, chế độ bức xạ dồi dào.

b) Tổng quan về đa dạng sinh học tại Tây Ninh:

- Sự đa dạng các nguồn gen trong các hệ sinh thái:

+ Đa dạng thực vật:

Dựa vào tài liệu “Danh mục các loài thực vật Việt Nam”, căn cứ vào khu phân bố của các loài, tài liệu khảo sát thực địa năm 2006, kết hợp với thu và giám định một số mẫu đặc trưng ở tỉnh Tây Ninh đã thống kê các loài thực vật bậc cao ở Tây Ninh. Các loài đã được xếp theo hệ thống các ngành, lớp, họ, chi theo quan điểm của Vườn thực vật Kiu (Brummitt, 1992). Bước đầu đã xác định được thực vật bậc cao tỉnh Tây Ninh thuộc về 5 ngành, 207 họ, 947 chi và **2.208** loài được thể hiện ở bảng 1. Trong số 2.208 loài thực vật có 301 loài cây trồng lâu đời và nhập nội, 17 loài cây tự nhiên có trong tỉnh được gây trồng.

Bảng 1: Hệ thống thực vật bậc cao: Số họ, chi, loài của các ngành, lớp thực vật tỉnh Tây Ninh theo danh lục các thực vật Việt Nam

Ngành và lớp thực vật	Số họ	Số chi	Số loài (một số subsp., var.)
I. Lycopodiophyta - Ngành Thông đất	1	1	2
II. Equisetophyta – Ngành Thân đốt (Cỏ tháp bút)	1	1	1
III. Polypodiophyta – Ngành Dương xỉ	24	45	76
IV. Pinophyta - Ngành Hạt trần	5	6	9
V. Angiospermae (Magnoliophyta) - Ngành Hạt kín (Ngọc lan)	176	894	2120
V.1. Dicotyledonnes - Lớp hai lá mầm	143	657	1556
V.2. Monocotyledonnes - Lớp một lá mầm	33	237	564
Tổng cộng	207	947	2208

Hệ thực vật Tây Ninh có 32 loài quý hiếm được ghi trong Sách đỏ thực vật Việt Nam trong đó có 9 loài cấp V (Sẽ nguy cấp), 6 loài cấp R (Hiếm), 9 loài cấp T (Bị đe dọa), 8 loài cấp K (Biết không chính xác).

+ Thành phần loài chim:

Kết quả khảo sát tại Tây Ninh đã thành lập được 160 danh sách 10 loài chim, trong đó tại VQG Lò Gò Xa Mát có 107 danh sách và các khu vực còn lại có 53 danh sách.

Tổng số loài đã quan sát được trong quá trình khảo sát là **164 loài**. Những họ có số lượng loài cao là họ Quạ (Corvidae) 23 loài, họ Chim Chích (Sylviidae) 18 loài, họ Gõ kiến (Picidae) 11 loài, họ hút mật (Nectariniidae) 9 loài.

Ngoài những loài đã ghi nhận được trong các đợt khảo sát bằng các danh sách Mackinnon List, còn ghi nhận thêm 6 loài khác tại VQG Lò Gò – Xa Mát đó là:

1. Vạc (*Nycticorax nycticorax*): thuộc Bộ Cò Ciconiiformes, họ Diệc Ardeidae;

2. Cú lợn lưng xám (*Tyto alba*): thuộc bộ Cú Strigiformes, họ Cú lợn Tytonidae;
3. Cò lùn xám (*Ixobrychus sinensis*): thuộc Bộ Cò Ciconiiformes, họ Diệc Ardeidae;
4. Già đẫy Java (*Leptoptilos javanicus*): thuộc Bộ Cò Ciconiiformes, họ Cò Ciconidae;
5. Hạc cổ trắng (*Ciconia episcopus*): thuộc Bộ Cò Ciconiiformes, họ Cò Ciconidae;
6. Mỏ rộng đỏ (*Cymbirhynchus macrorhynchus*): thuộc Bộ Sẻ Passeriformes, họ mỏ rộng Eurylaimidae.

Như vậy tổng số các loài chim đã quan sát được tại Tây Ninh qua các chương trình nghiên cứu là **170 loài** thuộc **15 bộ** và **43 họ**, trong đó có 22 loài mới ghi nhận so với tài liệu đã được công bố. Trong số những loài đã được công bố, có 48 loài chưa ghi nhận. Như vậy cho đến thời điểm hiện nay, dựa vào những tài liệu đã công bố thì số loài chim đã được ghi nhận trên địa bàn tỉnh Tây Ninh là **218 loài**.

Trong 170 loài chim ghi nhận được có 3 loài quý hiếm ghi nhận trong sách đỏ Việt Nam và thế giới đó là Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*), Già đẫy Java (*Leptoptilos javanicus*), Hạc cổ trắng (*Ciconia episcopus*). Ngoài ra, loài chim có vùng phân bố hẹp trên phạm vi Đông Nam Á cũng đã được ghi nhận đó là Chích chạch má xám (*Macronous kelleyi*). Những loài quý hiếm đã được ghi nhận trong các chương trình nghiên cứu trước đây như Sếu cổ trụ (Sếu đầu đỏ) (*Grus antigone*) Các loài như Sếu đầu đỏ và Cò Nhạn là những loài di cư, do vậy khả năng gặp các loài này thấp hơn các loài khác.

Bảng 2: Số lượng loài Chim đã gặp, loài đơn độc và số lượng loài có thể có trong từng khu vực khảo sát.

Kiểu sinh cảnh	Số danh sách đã lập	Số loài đã quan sát	Số loài đơn độc	Số loài ước lượng theo Jackknife (Kreb, 1999)
Chàng Riệp	20	86	31	109 – 122
Núi Bà Đen	7	42		
Suối Ngô	16	88	46	123 – 139
Hồ Dầu Tiếng	5	38		
Sivotha	5	25		
Lò Gò - Xa mát	107	141	27	162 – 173
Toàn Tây Ninh	160	164	29	187 – 198

+ Khu hệ thú:

Qua khảo sát ngoài thực địa và phỏng vấn người dân địa phương, ghi nhận được 22 loài thú thuộc 7 bộ, 13 họ (bảng 3). Nhìn chung độ phong phú của các loài tại các địa điểm khảo sát thì tính đa dạng các loài thú hiện nay chủ yếu tập trung tại khu vực được bảo vệ tốt như VQG Lò Gò – Xa Mát. Trong số các loài thú đã được ghi nhận bằng hình thức phỏng vấn có loài Chà vá Chân đen là loài quý hiếm trong danh mục của Sách đỏ Việt Nam (Sách đỏ Việt Nam, 2000) và thế giới. Khu vực có thể có loài này hiện diện đó là VQG Lò Gò – Xa Mát và khu Di tích lịch sử

Chàng Riệc. Tại Chàng Riệc, người dân địa phương cho rằng có thể gặp chúng dọc theo suối Cho nơi có thảm thực vật tươi tốt. Đây là những thông tin rất đáng chú ý cần quan tâm trong công tác quản lý, bảo vệ và nghiên cứu tại các địa điểm này.

Bảng 3: Danh sách các loài thú tại các địa điểm khảo sát

STT	Tên Tiếng Việt	Tên Khoa học	Địa điểm ghi nhận					
			LG- XM	Chàng Riệc	Hồ Dầu Tiếng	Núi Bà Đen	Sivatha	Ghi chú
	BỘ NHIỀU RĂNG	SCANDENTA						
	Họ Đồi	Tupaiaidae						
1	Nhen	<i>Dendrogale murina</i> (Schlegel et Muller, 1845)	O	O	O		O	
2	Đồi	<i>Tupaia glis</i> (Diard, 1820)	O	I	O			
	BỘ DƠI	CHIROPTERA						
	Họ Dơi ma	Megadermatidae						
3	Dơi ma Nam	<i>Megaderma spasma</i> (Linnaeus, 1758)	O	O	O	I		
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES						
	Họ Cu li	Loricidae						
4	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i> (Bonhote, 1907)	I					
	Họ Khỉ	Ceropithecidae						
5	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i> (Raffles, 1821)	O	O	I	O		
6	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonine</i> (Blyth, 1863)	O	I		I		
7	Chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i> (Milne- Edwards, 1871)	I	I				
	BỘ ĂN THỊT	CARNIVORA						
	Họ Chồn	Mustelidae						
8	Chồn vàng	<i>Martes flavigula</i> (Boddaert, 1785)	O	O		I		
	Họ Cây	Viverridae						
9	Cây vòi đóm	<i>Paradoxurus</i> <i>hermaphroditus</i> (Pallas, 1777)	I					
10	Cây hương	<i>Viverricula indica</i> (Desmarest, 1871)	I		I	I		

STT	Tên Tiếng Việt	Tên Khoa học	Địa điểm ghi nhận					Ghi chú
			LG- XM	Chàng Riệt	Hồ Dầu Tiếng	Núi Bà Đen	Sivotha	
	Họ Cây lón	Herpestidae						
11	Lón tranh (Chồn đen)	<i>Herpestes javanicus</i> (Geoffroy, 1818)	O			I		
12	Cây móc cua	<i>Herpestes urva</i> (Hodgson, 1836)	O					
	Họ Mèo	Felidae						
13	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i> Kerr, 1792	I			I		
	BỘ GUỐC CHÂN	ARTIODACTYLA						
	Họ lợn rừng	Suidae						
14	Lợn rừng	<i>Sus scrofa</i> (Linnaeus, 1758)	I	I				
	Họ Cheo cheo	Tragulidae						
15	Cheo cheo Nam dương	<i>Tragulus javanicus</i> (Osbeck, 1765)	I	I	I			
16	Hoẵng, Mễn, Đò	<i>Muntiacus muntjak</i> (Zimmermann, 1780)	I	I				
	BỘ GẬM NHẨM	RODENTIA						
	Họ Sóc cây	Sciuridae						
17	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i> (Sparmann, 1778)	O	O			I	
18	Sóc chân vàng	<i>Callosciurus erythraeus</i> (Geoffroy, 1831)	O			O	I	
19	Sóc vằn lưng	<i>Menetes berdmorei</i> (Blyth, 1849)	O	O	O		O	
20	Sóc chuột nhỏ	<i>Tamiops macclellandi</i> (Horsfield, 1839)	O	O	O		O	
	Họ Chuột	Muridae						
21	Chuột xuri	<i>Maxomys surifer</i> (Miller, 1900)	O	O				
	BỘ THỎ	LAGOMORPHA						
	Họ Thỏ	Leporidae						
22	Thỏ rừng	<i>Lepus peguensis</i> (Blyth, 1855)	I	I				

Ghi chú: O: quan sát; I: phỏng vấn người dân; LG-XM: VQG Lò Gò - Xa Mát

+ Khu hệ lưỡng cư:

Trên cơ sở các cuộc điều tra khảo sát thực địa và tra cứu đối chiếu tài liệu, đã xác định được ếch nhái ở Tây Ninh gồm 23 loài thuộc 2 bộ, 6 họ và 15 giống.

Xét về số loài, ếch nhái ở VQG Lò Gò - Xa Mát có 23 loài, chiếm 13,2% so với cả nước. Đây là tỉ lệ khá cao đối với một khu vực nhỏ và ít đa dạng về môi trường sống như Tây Ninh. Ở đây chỉ thích hợp cho các loài sống ở độ cao thấp và thích nghi tốt với điều kiện sống chịu sự tác động từ con người. Các loài trong họ Nhái bầu (*Microhylidae*) như ếch ương đốm *Calluella guttulata*, cóc đốm *Kalophrynus interlineatus*, ếch ương nâu *Kaluola baleata* thích nghi khá tốt với điều kiện sống ở đây.

Các loài ếch nhái phổ biến ở Tây Ninh gồm: nhái (bồ tọt) *Fejervarya limnocharis*, nhái bầu vân *Microhyla pulchra*, nhái bầu hoa *Microhyla ornata*, cóc đốm *Kalophrynus interlineatus*, ếch cây mép trắng *Polypedates leucomystax*, cóc nước *Occidozyga*... Bên cạnh đó, một số loài rất có ý nghĩa về thẩm mỹ như nhái bầu trơn *Microhyla inornata*, nhái bầu hây-môn *Microhyla heymonsi*...

Xét về giống, ếch nhái ở VQG Lò Gò - Xa Mát có 15 giống, chiếm 32,6% số giống của cả nước. Giống Nhái bầu (*Microhyla*) chiếm ưu thế với 8 loài, chiếm 4,6% số loài của cả nước. Các giống còn lại chỉ có 1 - 2 loài.

Xét về họ, ếch nhái ở VQG Lò Gò - Xa Mát có 6 họ, chiếm 60% số họ so với cả nước. Trong đó chiếm ưu thế là họ Nhái bầu (*Microhylidae*) với 11 loài, chiếm 6,3% số loài so với cả nước. Kế đến là họ Ếch nhái chính thức (*Dicoglossidae*) với 4 loài, chiếm 2,3% số loài so với cả nước. Chiếm tỉ lệ ít nhất là họ Ếch giun (*Ichthyophidae*) với 1 loài, chiếm 0,6% số loài của cả nước.

Sự đa dạng của các bậc phân loại trên so với cả nước được thể hiện ở bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Sự đa dạng các bậc phân loại

Stt	Các bậc phân loại	Tây Ninh	Cả nước	% so với cả nước
1	Bộ	2	3	66,6
2	Họ	6	10	60
3	Giống	15	46	32,7
5	Loài	23	174	13,2

Tuy nhiên, nếu xét tỉ lệ giữa số loài trong họ với họ đó trong cả nước thì một số họ có số loài ít nhưng tỉ lệ lại rất cao. Họ Ếch giun (*Ichthyophidae*) chiếm tỉ lệ cao nhất về số loài của họ so với cả nước: 100%, tiếp đến là họ Nhái bầu (*Microhylidae*): 55,0%. Họ Ếch cây (*Rhacophoridae*) chiếm tỉ lệ về số loài so với cả nước thấp nhất: 4,1%.

+ Khu hệ Bò sát:

Trên cơ sở các cuộc điều tra khảo sát thực địa và tra cứu đối chiếu tài liệu,

xác định được bò sát ở Tây Ninh có **65 loài** thuộc 2 bộ và 15 họ (bảng 5).

* Xét về bộ, bò sát ở Tây Ninh có 2 bộ, chiếm 66,6% số bộ so với cả nước. Trong đó bộ Có vảy (Squamata) chiếm số lượng chủ yếu trong các loài bò sát ở đây: 92,9%.

* Xét về họ, bò sát ở Tây Ninh có 15 họ, chiếm 65,2% số họ của cả nước. Trong đó chiếm ưu thế là họ Rắn nước (Colubridae) với 22 loài, chiếm 33,8% số loài bò sát trong khu vực. Kế đến là họ Thằn lằn bóng (Scincidae) với 10 loài, chiếm 15,4% số loài trong khu vực, họ Tắc kè (Gekkonidae) với 9 loài, chiếm 13,8% số loài trong khu vực. Có 7 họ chỉ có 1 loài: Lacertidae, Boidae, Acrochordiae, Cyclindrophidae, Xenopeltidae, Testudinidae và Trionychidae. Với 15 họ, chiếm 65,2% số họ của cả nước, có thể nói bò sát ở Tây Ninh rất đa dạng về họ.

* Xét về loài, bò sát ở Tây Ninh có 65 loài, chiếm 19,1% số loài của cả nước. Đây cũng là số lượng tương đối lớn đối với khu vực Tây Ninh có địa hình và sinh cảnh ít phong phú và thích hợp cho các loài bò sát sinh sống. Thêm vào đó, khu vực còn rừng lại chịu tác động không nhỏ bởi các hoạt động của con người như buôn xăng, xe các loại đi lại nhiều trong rừng, rà sắt, chặn thả, khai thác mây non, khai thác gỗ...

Bảng 5. Đa dạng các bậc phân loại

STT	Các bậc phân loại	Tây Ninh	Cả nước	So sánh với cả nước
1	Bộ	2	3	66,6%
2	Họ	15	23	65,2%
3	Loài	65	341	19,1%

+ Khu hệ côn trùng:

Trong các đợt khảo sát, thu mẫu côn trùng tại 6 điểm nghiên cứu, có 143 loài thuộc 29 họ và 9 bộ côn trùng đã được ghi nhận và định loại. Trong số 143 loài này, có 20 loài được định danh đến giống, phụ họ hay họ.

c) Vai trò và tầm quan trọng của nguồn gen đối với sự phát triển các ngành kinh tế-xã hội của địa phương.

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học thì gen có chức năng cơ bản là lưu giữ, bảo quản thông tin di truyền và truyền đạt thông tin di truyền qua các thế hệ. Chính vì vậy, gen được xem là một trong những nguồn nguyên liệu tự nhiên rất có giá trị trong lĩnh vực đời sống của con người cũng như trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Đặc biệt là trong thời đại ngày nay, với những tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ kỹ thuật cao thì nguồn gen là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực an ninh- quốc phòng thì các nhà quân sự cho rằng: Công nghệ gen chính là vũ khí trong tương lai.

“*Báo cáo đánh giá Hệ sinh thái thiên nhiên kỳ*” đã cảnh báo rằng Hệ sinh thái của trái đất đang nguy kịch. Nghiên cứu này kéo dài 4 năm do Liên Hợp Quốc

phát động, với sự tham gia của hơn 1.300 nhà khoa học từ 95 quốc gia, đã phát hiện thấy những nguồn tài nguyên rất cơ bản hỗ trợ sự sống con người, như nước ngọt, thực phẩm, gỗ, không khí sạch và khí hậu ôn hòa, đang bị đe dọa nghiêm trọng. Từ 10 đến 30% các loài thú, chim và các loài lưỡng cư đang có nguy cơ tuyệt chủng - con người đang đẩy nhanh tốc độ biến mất của chúng nhanh gấp 1.000 lần so với tốc độ của tự nhiên. Ví dụ như, từ năm 1945 đến nay, số vùng đất bị chuyển thành đất nông nghiệp còn nhiều hơn cả của hai thế kỷ 18 và 19 cộng lại.

Điều đáng nói là "những hậu quả tai hại từ sự suy thoái này có thể còn tồi tệ hơn trong vòng 50 năm tiếp theo". Nguyên Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan cho biết qua nghiên cứu đã cho thấy *"sức phá hủy dữ dội trên toàn thế giới là do con người gây ra đối với môi trường, và mức độ suy giảm đáng báo động của đa dạng sinh thái - yếu tố cơ bản cho sự sống trên trái đất"*. Những thứ mà chúng ta đang thu nhận được đã phải đánh đổi một giá đắt, đó là giảm bớt những lợi ích lâu dài của các thế hệ tương lai.

Hiện trạng môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Tây Ninh nói riêng và cả nước Việt Nam nói chung, cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng như vậy. Những nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá chưa được đánh giá đúng, chưa hiểu hết giá trị và đang bị khai thác quá mức. Những hiểu biết về giá trị đa dạng sinh học của nguồn tài nguyên thiên nhiên tỉnh Tây Ninh vẫn chưa được nghiên cứu một cách khoa học và rõ ràng. Nguồn thức ăn đặc sản như ốc núi, thằn lằn núi của núi Bà Đen vào khoảng 10 năm trước đây còn ít được biết đến thì nay đã khai thác kiệt quệ và trở nên hiếm hoi hơn và đang có nguy cơ mất hẳn nếu như không có biện pháp khôi phục và bảo vệ.

Bên cạnh hệ sinh thái rừng nhiệt đới, Tây Ninh còn có các sinh thái thủy vực, đặc biệt hệ sinh thái trên các con sông chính như sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông và nhiều mạng lưới suối nhỏ, suối nhánh lan tỏa khá đều đặn trong toàn tỉnh. Tây Ninh còn có Hồ Dầu Tiếng với hơn 27.000ha mặt nước giúp bảo đảm an toàn cấp nước dân sinh, cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, cấp nước công nghiệp trong tỉnh và khu vực, đặc biệt là TP Hồ Chí Minh. Song song đó, đây cũng là nơi sinh sống và phát triển của nguồn lợi thủy sản quý hiếm trên địa bàn tỉnh. Vấn đề quản lý lưu vực sông và bảo tồn đa dạng sinh học các khu hệ sinh thái này chưa được quan tâm nghiên cứu một cách đầy đủ và chi tiết.

Tây Ninh là vùng đất nông nghiệp nên nông nghiệp luôn là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) và đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Một số lượng lớn giống cây trồng và vật nuôi đặc trưng bản địa như mía, mì, cao su, măng cầu, đậu phộng, cá lăng, cá cây, ốc núi, thằn lằn núi...phát triển trong điều kiện khí hậu đất đai tương đối thuận lợi thì việc khai thác và bảo tồn những tài nguyên thiên nhiên này là vô cùng quan trọng.

3. Công tác bảo tồn các loài sinh vật của Tây Ninh trong thời gian qua:

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra nhiều biện pháp nhằm bảo vệ tốt hơn nguồn tài nguyên của tỉnh. Để ngăn chặn sự suy thoái các nguồn gen các loài sinh vật và các nguồn gen quý trong các hệ sinh thái, tỉnh Tây Ninh đã áp dụng nhiều hình thức bảo tồn: bảo tồn tại chỗ bằng việc thành lập các khu bảo tồn,

phát triển diện tích rừng trên toàn tỉnh, đẩy mạnh công tác vận động trồng rừng.

Tiến hành xây dựng những đề tài, dự án nghiên cứu bảo tồn các nguồn gen, khảo sát các tác động của vấn đề ô nhiễm môi trường lên sự phát triển của các hệ sinh thái, cụ thể: Điều tra khả năng và nghiên cứu qui hoạch nuôi trồng thủy sản trong hồ Dầu Tiếng; Quy hoạch bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước của vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh; Điều tra, đánh giá hiện trạng, diễn biến tài nguyên động, thực vật Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát; Nghiên cứu đặc điểm sinh học, kỹ thuật nhân giống Ốc núi và Thần lằn núi tại Núi Bà Đen Tây Ninh; Điều tra, đánh giá hiện trạng và tiềm năng du lịch sinh thái tỉnh Tây Ninh; Đề xuất biện pháp bảo vệ và phát triển du lịch bền vững; Nghiên cứu tuyển chọn một số giống mía mới nhập nội có năng suất, chất lượng cao cho vùng đất thấp Tây Ninh; Thu thập, định danh các loài cố định đạm thuộc giống *Gluconacetobacter* ở Tây Ninh và ứng dụng sản xuất phân bón vi sinh; Điều tra nguồn tài nguyên cây thuốc ở Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh, phục vụ cho yêu cầu bảo tồn và phát triển; Khảo nghiệm sản xuất một số giống sản đạt năng suất tinh bột cao, thích hợp với sinh thái tỉnh Tây Ninh; đây là những cơ sở cho các công tác bảo tồn các nguồn gen trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Tiếp nối những kết quả bước đầu đó, việc triển khai xây dựng Đề án khung nhiệm vụ về quỹ gen cấp tỉnh nhằm tăng cường công tác quản lý, điều tra, đánh giá hiện trạng động, thực vật và vi sinh vật quý hiếm trên địa bàn; xác định ưu tiên các danh mục về hệ thực, động vật và vi sinh vật quý hiếm cần bảo tồn, gìn giữ, để từ đó có kế hoạch bảo tồn nguồn gen đạt hiệu quả cao là một yêu cầu cần thiết và cấp bách trong tình hình hiện nay.

PHẦN II MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Tổng điều tra, khảo sát, nghiên cứu thu thập và bảo tồn các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu, có giá trị tại tỉnh Tây Ninh nhằm mục đích bảo tồn và khai thác, sử dụng bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2014 - 2017

+ Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn, đánh giá các chỉ tiêu sinh học và tư liệu hoá nguồn gen trên địa bàn tỉnh.

+ Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ về quỹ gen.

+ Đánh giá hiện trạng bảo tồn và đề xuất các biện pháp bảo tồn nguồn gen tỉnh Tây Ninh.

- Giai đoạn 2017- 2020

+ Tập hợp các các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu; các nguồn gen có giá trị sử dụng trong các lĩnh vực kinh tế, y tế, an ninh, quốc phòng, khoa học và môi

trường; các nguồn gen cần cho công tác tạo giống, lai tạo giống và nghiên cứu khoa học.

+ Tham gia mạng lưới quỹ gen.

PHẦN III NỘI DUNG CẦN GIẢI QUYẾT

- Điều tra, khảo sát và thu thập bổ sung nguồn gen; Lưu giữ, bảo quản các nguồn gen quý, hiếm hiện có;

- Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phục tráng các nguồn gen cây trồng, thuần chủng các nguồn gen cây trồng, vật nuôi, chuẩn hoá các chủng vi sinh, nấm, tảo;

- Tư liệu hóa nguồn gen dưới các hình thức: phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm thông tin, cơ sở dữ liệu (dưới dạng văn bản hoặc số hóa);

- Bảo tồn an toàn nguồn gen theo đặc điểm sinh học của từng đối tượng (bảo tồn tại chỗ, bảo tồn chuyển chỗ) và đánh giá kết quả bảo tồn;

- Giới thiệu, cung cấp, trao đổi nguồn gen và các thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân trong nước và đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

PHẦN IV DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Sau khi thực hiện nhiệm vụ quỹ gen đến năm 2020, các nguồn gen được điều tra, khảo sát, thu thập được bảo tồn.

- Các nguồn gen được đánh giá về các chỉ tiêu sinh học, đánh giá về di truyền; nguồn gen được phục tráng, nghiên cứu phát triển và các nguồn gen được tư liệu hóa.

- Các sản phẩm KH&CN về quỹ gen: giống, quy trình kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, các tài liệu, báo cáo...

- Đào tạo được nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật trong công tác bảo tồn nguồn gen.

PHẦN V DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí cho hoạt động điều hành và quản lý nhiệm vụ quỹ gen được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

- Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án (nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen, phát triển nguồn gen và nhiệm vụ khác) hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh từ giai đoạn 2014-2020 là: **4.200** triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí giai đoạn 1 (từ năm 2014 đến năm 2017) = 2.700 triệu đồng.

+ Kinh phí giai đoạn 2 (năm 2017 đến năm 2020) = 1.500 triệu đồng.

PHẦN VI
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ BẢO TỒN NGUỒN GEN THỰC HIỆN TỪ
NĂM 2014 ĐẾN 2020

STT	Tên nhiệm vụ	Tên tổ chức dự kiến chủ trì	Đối tượng và số lượng nguồn gen bảo tồn	Giai đoạn thực hiện	Dự kiến kinh phí (Trđ)	Ghi chú
I	NGUỒN GEN CÂY NÔNG NGHIỆP					
1	Nghiên cứu phục tráng và bảo tồn một số giống lúa mùa đặc sản của tỉnh Tây Ninh	Sở NN&PTNT	Phục hồi, lưu giữ 2 giống lúa (<i>Nàng Nhuận và Bằng Tây trắng</i>) và 2 giống nếp (<i>nếp tóc và nếp hương</i>) của tỉnh	2014-2016	600	
II	NGUỒN GEN THỦY SẢN					
2	Bảo tồn một số nguồn gen cá đặc sản tại tỉnh Tây Ninh	Sở NN&PTNT	Giống cá cày (<i>Cyclocheilichthys armatus</i>), cá nưạ	2015-2017	600	
III	NGUỒN GEN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ					
3	Bảo tồn, khai thác và phát triển thằn lằn núi trong điều kiện tự nhiên ở Núi Bà Đen Tây Ninh	Sở KH&CN	Quy trình nuôi thương phẩm và khu bảo tồn thằn lằn núi (<i>Gekko ulikovskii</i>).	2015-2017	1.500	
4	Bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen ốc núi trong điều kiện tự nhiên ở Núi Bà Đen Tây Ninh	Sở KH&CN	Quy trình nuôi thương phẩm và khu bảo tồn ốc bằg (<i>Cyclophorus annamiticus</i>) và ốc nhọn (<i>Cyclophorus martensianus</i>)	2017-2020	1.500	
TỔNG					4.200	

PHẦN VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn, triển khai thực hiện Đề án;

- Lập kế hoạch triển khai các nội dung của Đề án và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quỹ gen cấp tỉnh theo quy định;
- Báo cáo định kỳ việc thực hiện Đề án về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý và thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cân đối ngân sách tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ kinh phí thực hiện Đề án trong nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm.

4. Các cơ quan, đơn vị khác

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân, các Trường đại học, Viện nghiên cứu... trong và ngoài tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thuộc lĩnh vực, ngành và địa bàn quản lý.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lưu Quang